TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VNAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số**:** 09/2022/HS-ST
Ngày 20 tháng 01 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VNAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Huyền

Ông Trần Gia Phượng

- *T ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên - T ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Nguyễn Hải Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2021/TLST- HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Cao Trần M (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1984 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu Tờng trú và chỗ ở: Khu 13, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Trần V- đã chết; con bà: Hoàng Thị V- sinh năm: 1959; có vợ: Nguyễn Thị H - sinh năm 1994, đã ly hôn; có 2 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/5/2015, Tòa án nhân dân huyện L quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc số 03/2015/QĐ-TA. M đã thi hành quyết định.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Cao Trần M: Bà Đỗ Thị H – Luật sư thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn A, có mặt.

Bị hại: Anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu 2, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1945 – trưởng ban văn hóa làng C; địa chỉ: Khu 9, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010, Ban văn hoá làng C thuộc xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ giao cho ông Cao Văn C, sinh năm 1961 và vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1964, cùng trú tại khu 11, xã C huyện L, tỉnh Phú Thọ trông coi, quản lý Nghĩa trang khu Vồi D, xã C. Vợ chồng ông C, bà C đã mua cây giống và trồng khoảng 2.000 cây Keo lá Tràm trên đất nghĩa trang và dọc theo đường vào Nghĩa trang. Năm 2017, ông C đã bán toàn bộ số cây Keo lá Tràm đã trồng trên đất Nghĩa trang, còn lại số cây trồng dọc theo đường vào Nghĩa trang ông C và bà C bàn giao lại cho Ban văn hoá làng C quản lý và sử dụng. Số cây này được Ban văn hoá làng C quản lý cho đến nay.

Cao Trần M, sinh năm 1984, trú tại khu 13, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ quan sát thấy số cây keo trồng dọc theo đường vào nghĩa trang không có người trông coi, quản lý nên Cao Trần M nảy sinh ý định nhận số cây keo trên là của bản thân và bán cho người khác với mục đích kiếm tiền tiêu sài cá nhân. Ngày 26/4/2021, M đến xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ gặp anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1978 và anh Hoàng Quốc V, sinh năm 1975 cùng trú tại khu 2, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để đặt vấn đề bán cây. Anh T đồng ý mua. Đến ngày 28/4/2021, M dẫn anh T và anh V đến khu vực trồng cây Keo lá Tràm dọc theo đường vào Nghĩa trang và nói đây là cây của gia đình mình cần bán để trả lại mặt bằng cho Uỷ ban nhân dân xã C làm đường. Sau khi xem và xác định có 39 cây Keo lá Tràm, đường kính gốc từ 20cm- 40cm, cao từ 7m- 15m, tin tưởng M là chủ sở hữu của số cây trên, anh T đồng ý mua. M và anh T thống nhất giá bán là 7.000.000 đồng.

Khoảng 06 giờ ngày 02/5/2021, anh T cùng con trai là Hoàng Ngọc Đ, sinh năm 1994, trú tại Khu 2, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và anh V đến Nghĩa trang để khai thác cây như đã thoả thuận trước đó với M, anh T đã trả cho M số tiền 7.000.000 đồng mua cây, M đưa lại cho anh T 100.000 đồng. Sau đó, anh T cùng anh V và Đ tiến hành khai thác được 36 cây keo đã mua của M. Cùng ngày 02/5/2021, anh T chở toàn bộ số cây đã khai thác được và bán cho chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1973, trú tại khu B, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ một phần được số tiền là 3.000.000 đồng; bán cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976, trú tại khu 3b, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ được số tiền là 1.100.000 đồng; số cành cây anh T bán cho Công ty TNHH Đức T thuộc lô 1B- Khu công nghiệp Thuỵ V, thành phố V được số tiền là 2.217.000 đồng. Đến ngày 03/5/2021, anh T và anh Vtiếp tục khai thác 03 cây còn lại sau đó thuê anh Triệu Quốc T, sinh năm 1991, trú tại khu 9, xã Sơn Vi, huyện L, tỉnh Phú Thọ điều khiển xe ô tô tải, biển kiểm soát 19C- 010.95 chở đến bán cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, trú tại khu 5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V được số tiền là 4.000.000 đồng. Quá trình vận chuyển, xe ô tô do anh T điều khiển đã làm hư hỏng cống thoát nước bằng bê tông đi vào nghĩa trang. Trong 02 ngày trên, Cao Trần M cũng đến khu vực khai thác gỗ với mục đích để anh T tin tưởng số cây đó là của M.

Ngày 23/5/2021, ông Phạm Văn H, sinh năm 1945, trú tại khu 9, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ là trưởng ban văn hoá làng C phát hiện bị mất số cây trên nên đã trình báo Công an xã C. Công an xã C đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L để điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận nội dung trình báo, CQCSĐT CA huyện L đã khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ việc, xác minh, giải quyết tin báo theo quy định. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện L xác định Cao Trần M là người đã bán tổng số 39 cây keo lá tràm có chiều cao T bình từ 10m - 13m, đường kính T bình từ 14cm- 40cm cho anh Hoàng Ngọc T. Tại Cơ quan điều tra, Cao Trần M đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá đối với 39 cây keo lá tràm M đã bán cho anh T. Tại kết luận định giá ngày 13/9/2021, Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện L xác định: 39 cây keo lá tràm có chiều cao T bình từ 10m- 13m, đường kính T bình từ 14cm- 40cm có giá là 3.110.000 đồng.

Sau khi mua cây và cành của anh T, chị T, anh H, Công ty TNHH Đức T và anh Nguyễn Văn T đã sử dụng hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với chị Lê Thị Thu T, anh Nguyễn Văn H, Công ty TNHH Đức T, anh Nguyễn Văn T việc mua bán giữa những người này với anh Hoàng Ngọc T là ngay tình nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra, Cao Trần M đã tự nguyện đền bù cho Ban văn hoá làng C số tiền 7.000.000 đồng và sửa chữa đoạn cống bằng bê tông đi vào nghĩa Trang. Ông Phạm Văn H là trưởng ban văn hóa làng C đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì. Anh Hoàng Ngọc T không có yêu cầu đề nghị gì đối với M.

Về điều kiện kinh tế của bị cáo: Quá trình điều tra xác định bị cáo không có tài sản gì có giá trị ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu.

Cáo trạng số: 44/CT -VKSLT ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Cao Trần M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 174; Điều 36; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Cao Trần M phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Cao Trần M từ 20 (Hai mươi) đến 24 (Hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án đối với bị cáo. Giao bị cáo Cao Trần M cho UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Về khấu trừ thu nhập: Đề nghị khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Cao Trần M số tiền là 100.000đ/ tháng. Trường hợp bị cáo không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Cao Trần M.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Cao Trần M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Cao Trần M không nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện L về phần tội danh, đề nghị HĐXX xem xét tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Cao Trần M. Bị cáo Cao Trần M hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình, nhất trí với quan điểm của luật sư bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Ngày 28/4/2021, tại Nghĩa trang khu Vồi Dện, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ, Cao Trần M đã đưa ra thông tin sai sự thật để anh Hoàng Ngọc T tin tưởng 39 cây keo lá tràm trồng dọc theo đường vào Nghĩa trang thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ban văn hoá làng C là của gia đình M và bán cho anh T, chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng của anh T. Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo cho rằng hành vi đó là "Trộm cắp tài sản" vì đối tượng bị cáo tác động đến là vườn cây, bị cáo muốn bán lấy tiền tiêu xài, mục đích bị cáo hướng tới là trộm vườn cây đó chứ không phải số tiền 7.000.000đ của anh T. Bị cáo lợi dụng sơ hở do vườn cây không có người trông coi nên lén lút với Ban văn hóa làng để chiếm đoạt vườn cây nói trên nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra chứng cứ, lập luận khẳng định không đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" vì bản thân bị cáo biết đó không phải là cây của mình, không được quyền định đoạt số tài sản này nhưng do mong muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã đưa ra thông sai sự thật nhằm chiếm đoạt số tiền của anh T và bị cáo cũng không tham gia vào quá trình dịch chuyển tài sản nên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng.

Qua lời khai của bị cáo, lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, việc đối đáp, thẩm vấn công khai tại phiên tòa xét thấy: Bị cáo Cao Trần M mặc dù biết số cây keo lá tràm không phải là tài sản của mình nhưng vì mong muốn có được số tiền 7.000.000đ của anh T nên ngày 28/4/2021, bị cáo đã dẫn

anh T và anh Vđi xem số cây keo lá Tràm được trồng dọc trên đường vào nghĩa trang và nói đó là cây của mình đang có nhu cầu bán để trả lại mặt bằng cho xã. Đây là hành vi cố ý dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin sai sự thật để anh T tin số cây đó là của M và giao tiền cho M để mua số cây trên. Ngay từ thời điểm bị cáo dẫn anh T đi xem cây và nói là cây của mình mục đích tư lợi đã nảy sinh, thủ đoạn gian dối được bị cáo thực hiện trước nhằm chiếm đoạt được số tiền trên. Thời điểm anh T tin và giao số tiền cho bị cáo là thời điểm tội phạm đã hoàn thành. Sau khi giao tiền cho M, anh T tiến hành thu hoạch số cây trên trong hai ngày 02/5/2021 và 03/5/2021. Bị cáo không tham gia vào quá trình khai thác số cây cùng anh T, không dịch chuyển tài sản, nói cách khác đây không phải trường hợp bị cáo có trong tay tài sản bằng hành vi lén lút với chủ tài sản rồi mới tìm cách tiêu thụ tài sản đó như lập luận của luật sư bào chữa. Do vậy, đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo Cao Trần M đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở để khẳng định: Bị cáo Cao Trần M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ là quyền sở hữu tài sản của người khác gây mất trật tự trị an trên địa bàn và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện sự liều lĩnh, coi Tòng pháp luật. Vì vậy, cần phải đưa bị cáo ra xét xử và có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau: Bị cáo có nhân thân xấu đã bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đã thi hành xong quyết định. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi Tòng, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bà nội là Đỗ Thị Quýt được chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu bà mẹ VNam anh hùng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự . Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về khấu trừ thu nhập: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L đề nghị khấu trừ thu nhập là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) đối với bị cáo Cao Trần M nhưng xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có việc làm, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo nhưng cần áp dụng khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Cao Trần M phải thực hiện một số công việc lao động công ích để phục vụ cộng đồng là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, bị cáo còn có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Quá trình điều tra xác định bị cáo không có tài sản gì ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Hoàng Ngọc T không có yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo Cao Trần M; đối với Ban văn hóa làng C, Cao Trần M đã tự nguyện đền bù số tiền 7.000.000đ và sửa chữa đoạn cống bê tông đi vào nghĩa trang, ông Phạm Văn H đại diện Ban văn hóa làng C đã nhận đủ số tiền trên, không có yêu cầu đề nghị gì. Do vậy không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

Đối với chị Lê Thị Thu T, anh Nguyễn Văn H, Công ty TNHH Đức T, anh Nguyễn Văn T việc mua bán giữa những người này với anh Hoàng Ngọc T là ngay tình nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 36; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Cao Trần M phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Cao Trần M 20 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án đối với bị cáo. Giao bị cáo Cao Trần M cho UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Cao Trần M.

Buộc bị cáo Cao Trần M phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Bị cáo Cao Trần M phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Cao Trần M.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Cao Trần M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

[4] Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã C, h.L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang